

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2023/HS-ST

Ngày: 20-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Dũng.

2. Ông Phạm Văn Biên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh H tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Long - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2023/HSST ngày 24 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Gia T1**, sinh năm 1994 tại huyện KT, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn CT, xã TV, huyện KT, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn C1 và bà Nguyễn Thị M1; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con T1 hai; có vợ là Đặng Thị An và 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 47/2021/HSST ngày 28/06/2021, Tòa án nhân dân thị xã K xử phạt 09 năm 03 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; tại Bản án số 108/2022/HSST ngày 28/12/2022, Tòa án nhân dân thị xã K xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt của Bản án số 47/2021/HSST ngày 28/06/2021 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 12 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2020; bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Hoàng Tiến - Bộ Công an. Có mặt tại phiên tòa.

1. **Bị hại:** Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khu dân cư NU, phường LX, thị xã K, tỉnh H. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị L2: Ông Nguyễn Văn L3, sinh năm 1962. Địa chỉ: Khu dân cư NU, phường LX, thị xã K, tỉnh H. Theo Giấy uỷ quyền được chứng thực ngày 05/7/2023. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn L3 và anh Vũ Văn C4. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2019, Ngô Gia T1 gặp và quen biết với Vũ Văn C4. T1 tự giới thiệu với anh C4 mình tên Ngô An Bình, là cán bộ Công an, công tác tại Cục công nghệ cao-Bộ Công an. Sau đó, anh Vũ Văn C4 giới thiệu T1 với chị Nguyễn Thị L2-Là em họ của anh C4 rằng T1 là Công an. Qua nói chuyện với chị L2, T1 biết được chị L2 đang có nhu cầu muốn xin cấp giấy phép xây dựng nhà trên thửa đất thuộc khu dân cư NU, phường LX, thị xã K nên T1 đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị L2. T1 nói với chị L2 là T1 có mối quan hệ xin được giấy phép xây dựng nhà. Chị L2 tin là thật nên nhờ T1 giúp. T1 và chị L2 gặp nhau tại quán cafe Bờ Sông thuộc phường An Lưu, thị xã K; T1 yêu cầu chị L2 đưa trước cho T1 số tiền 25.000.000 đồng để T1 đi quan hệ xin cấp giấy phép xây dựng nhà, chị L2 đồng ý và đưa cho T1 số tiền 25.000.000 đồng. Khoảng 1 tháng sau T1 tiếp tục liên lạc với chị L2 bảo đưa cho T1 thêm số tiền 15.000.000 đồng để sửa bản thiết kế nhà, chị L2 đồng ý và bảo T1 đến nhà bố đẻ chị L2 là ông Nguyễn Văn L3 để lấy tiền. Sau đó chị L2 gọi điện thoại cho ông Lưu bảo đưa cho T1 15.000.000 đồng (*chị L2 gửi ông Lưu*) để lo xin cấp giấy phép xây dựng nhà. Sau đó T1 đến nhà gặp ông Lưu lấy số tiền 15.000.000 đồng. Với thủ đoạn tương tự từ khoảng tháng 4/2020 đến tháng 6/2020, T1 tiếp tục thông qua chị L2 để gặp ông Lưu lấy thêm 02 lần tiền, tổng là 80.000.000 đồng (*lần 01 là 20.000.000 đồng, lần 02 là 60.000.000 đồng*). Toàn bộ số tiền 120.000.000 đồng, T1 đã dùng chi tiêu cá nhân hết. Ngày 15/09/2020, ông Nguyễn Văn L3 làm đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K.

Ngày 14/9/2020, Công an phường LX phát hiện Ngô Gia T1 có biểu hiện nghi vấn giả danh cán bộ Công an, đã thu giữ của T1: 01 bộ quần áo quân phục cảnh sát nhân dân xuân hè, trên áo gắn ve hàm Đại úy; 01 đôi giày màu đen có ghi dòng chữ “TỔNG CỤC HẬU CẦN CÔNG TY CỔ PHẦN 26”; 01 đôi tất màu xanh; 01 khóa số 8; 03 máy bộ đàm; 04 ảnh kích thước 3x4, hình nam thanh niên mặc trang phục xuân hè Cảnh sát nhân dân, đội mũ kê pi”; 01 chiếc bật lửa hình dạng khẩu súng ngắn màu đen; 01 thẻ sinh viên đề tên Ngô Gia T1 ghi tên Trường cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội. Công an phường LX đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K để làm rõ.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 13/6/2023, bà Nguyễn Thị Miêu-Là mẹ đẻ của Ngô Gia T1 đã trả cho chị Nguyễn Thị L2 số tiền 10.000.000 đồng. Chị L2 yêu cầu T1 phải bồi thường số tiền 110.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 63/CT-VKS ngày 11/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) thị xã K, tỉnh H truy tố bị cáo Ngô Gia T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

- Đại diện VKSND thị xã K giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Ngô Gia T1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 56 của BLHS; xử phạt bị cáo Ngô Gia T1 từ 03 năm 09 tháng tù đến 04 năm 02 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 12 năm 09 tháng tù tại Bản án số 108/2022/HSST ngày 28/12/2022, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 16 năm 06 tháng tù đến 16 năm 11 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2020; về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại chị Nguyễn Thị L2 số tiền 110.000.000đ; về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; công nhận Quyết định truy tố của VKSND tỉnh H về tội danh đối với bị cáo là đúng. Bị cáo xác định do cần tiền sử dụng cá nhân nên đã tự giới thiệu mình là Công an để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị L2. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của chị L2 là 120.000.000đ. Sau khi hành vi bị phát hiện bị cáo đã tác động gia đình trả lại cho chị L2 10.000.000đ. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình và đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất.

- Người đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Thị L2 – Là ông Nguyễn Văn L3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xác định sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ăn năn, hối lỗi và đã tác động gia đình bồi thường cho chị L2 số tiền 10.000.000đ. Chị L2 đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 110.000.000đ đã chiếm đoạt.

- Bà Nguyễn Thị Miêu trình bày: Bà là mẹ đẻ của bị cáo Ngô Gia T1. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo T1 đã nhờ bà đến gia đình chị Nguyễn Thị L2 gặp xin lỗi và trả tiền bị hại thay cho bị cáo nhưng do gia đình khó khăn nên bà chỉ mới trả được cho chị L2 số tiền 10.000.000đ. Số tiền trả lại chị L2 là tiền của cá nhân bà, bà tự nguyện cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về các hành vi, quyết định tố tụng:* Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến tháng 6/2020, tại phường LX, thị xã K, tỉnh H, Ngô Gia T1 đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối, sử dụng tên giả là Ngô An Bình công tác tại Cục công nghệ cao - Bộ Công an và giới thiệu với chị Nguyễn Thị L2 là T1 có khả năng làm được thủ tục xin cấp giấy phép xây dựng nhà. Chị L2 đã tin là thật nên đã nhờ T1 làm thủ tục xin cấp giấy phép xây dựng nhà. T1 đã yêu cầu chị L2 đưa tiền cho T1 04 lần, tổng số tiền là 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) để T1 làm thủ tục xin cấp giấy phép xây dựng nhà cho chị L2. Sau khi nhận được tiền T1 đã chiếm đoạt số tiền trên, chi tiêu cá nhân hết.

[3]. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận T1 rõ được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, song với mục đích để có tiền sử dụng cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của BLHS. Như vậy, Quyết định truy tố của VKSND thị xã K, tỉnh H đối với bị cáo là có căn cứ.

[4]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã hai lần bị kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do vậy, HĐXX thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian thì mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Khi đặt vấn đề nhờ làm giấy phép xây dựng, bị cáo và chị L2 không thống nhất tổng chi phí là bao nhiêu. Quá trình thực hiện hành vi lừa đảo, bị cáo đã 04 lần yêu cầu chị L2 chuyển tiền, mỗi lần chuyển tiền đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[6]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Sau khi hành vi chiếm đoạt tài sản bị phát hiện, bị cáo đã tác động gia đình trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi của mình; bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[7]. *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản có giá trị nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8]. *Về trách nhiệm dân sự*: Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 120.000.000đ. Mẹ đẻ bị cáo là bà Nguyễn Thị Miêu đã trả cho bị hại số tiền 10.000.000đ. Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền còn lại. Căn cứ Điều 48 BLHS, buộc bị cáo phải trả lại số tiền 110.000.000đ cho chị Nguyễn Thị L2.

[9]. *Về xử lý vật chứng*: Đã được giải quyết ở vụ án khác.

[10]. *Về án phí*: Bị cáo bị kết án và phải có nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11]. Đối với hành vi tàng trữ trái phép khóa số 8 mà không có giấy phép và hành vi tàng trữ 01 bộ quần áo cảnh sát của Ngô Gia T1, Ủy ban nhân dân thị xã K đã ra quyết định xử phạt hành chính số 36 ngày 08/04/2021 đối với Ngô Gia T1 về hành vi “Tàng trữ công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép” và hành vi “Tàng trữ trái phép trang phục dành riêng cho lực lượng Công an nhân dân”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Ngô Gia T1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Ngô Gia T1 04 (*Bốn*) năm tù, tổng hợp hình phạt 12 (*Mười hai*) năm 09 (*Chín*) tháng tù tại Bản án số 108/2022/HSST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 16 (*Mười sáu*) năm 09 (*Chín*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/9/2020.

2. *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị L2 số tiền 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án. Xử buộc bị cáo Ngô Gia T1 phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại (*vắng mặt*) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh H;
- Sở Tư pháp tỉnh H;
- VKSND thị xã K;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã K;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã K;
- Cơ quan THADS thị xã K;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an thị xã K;
- Bị cáo, đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đức Huân